TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**
Số: 07/2020/QĐST- KDTM	*Bù Gia Mập, ngày 09 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2020, về việc các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại "***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***" thụ lý số 08/2020/TLST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**; Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 HV, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: **Ông Phan Đức A** – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Hà Thiên B** – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: 737 Quốc lộ 14, phường TB, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; **Ông Hà Thiên B** ủy quyền cho **Bà Phạm Thị Mỹ C** ; Sinh năm 1979; Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý rủi ro tham gia tố tụng

***Bị đơn*: Bà Danh Thị D**, sinh năm 1980; **Ông Lê Sỹ Đ**, sinh năm 1970 (*ông Lê Sỹ Đ ủy quyền cho bà Danh Thị D tham gia tố tụng*); Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã Đ Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam các khoản tiền còn nợ, cụ thể như sau:

a. Số tiền gốc của hợp đồng tín dụng số 03/2019/9925296/HĐTD ngày 17 tháng 05 năm 2019 là 991.000.000 đồng (*Chín trăm chín mươi một triệu đồng*) và tiền lãi là 116.569.500 đồng (*Một trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*. Tổng cộng là **1.107.569.500 đồng** (*Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm đồng*).

b. Số tiền gốc của hợp đồng tín dụng số 01/2019/9925296/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2019 là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 32.756.164 đồng (*Ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi sáu trăm ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng*). Tổng cộng là **432.756.164 đồng** (*Bốn trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng*).

Như vậy, tổng số tiền bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam của hai hợp đồng tín dụng với là **1.540.325.664 đồng** (*Một tỷ năm trăm bốn mươi triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi bốn đồng).*

Phương thức thanh toán cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, vào ngày 30 tháng 4 năm 2021 bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ trả trước với số tiền là **100.000.000 đồng** (*Một trăm triệu đồng*)

Lần thứ hai, vào ngày 30 tháng 10 năm 2021 bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ trả dứt điểm số tiền còn lại là **1.440.325.664 đồng** *(Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăn sáu mươi tư đồng).*

Kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2020, bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ chưa trả xong nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi loại nợ quá hạn hoặc lãi phạt của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 03/2019/9925296/HĐTD, ngày 17 tháng 05 năm 2019 là 991.000.000 đồng (*Chín trăm chín mươi một triệu đồng)* và Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9925296/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2019 là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Đồng thời, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập tiến hành các thủ tục thi hành án phát mãi, đấu giá tài sản mà bà Danh Thị D; ông Lê Sỹ Đ đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi tiền gốc và tiền lãi. Cụ thể, tài sản là 03 giấy chứng nhận QSDĐ gồm:

- Phần đất có diện tích là 972.1 m^2, trong đó có 100m^2 đất ở nông thôn, 872.1m^2 đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại tại thôn 3, xã Đắk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước). Đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BC 643588 vào sổ cấp GCN QSDĐ số CH 00257/CNTT do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 28 tháng 3 năm 2011 cho bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ. Phần đất có tứ cận như sau: phía đông giáp đường thôn; phía tây giáp đất thửa đất 228; phía nam giáp thửa đất 189; phía bắc giáp thửa đất 243. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích ngang 10 m x dài 10m = 100m^2 với kết cấu tường xây có tô trát, mái lợp tôn, đòn tay bằng gỗ, nền lát bằng xi măng, cửa chính và cử sổ bằng sắt và gỗ, xây dựng năm 2012. 01 bếp có diện tích 08m x 03m = 24m^2 với kết cấu tường xây có tô trát, mái lợp tôn, đòn tay bằng gỗ, nền lát bằng xi măng xây năm 2013.

- Phần đất có diện tích là 175.8 m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại thôn Đắk Lim, xã Đắk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CD 417324 vào sổ cấp GCN QSDĐ số CH 002015/CMOI-DG do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 01 tháng 02 năm 2019 cho bà Lê Thị Na. (*Đã thay đổi ngày 04 tháng 4 năm 2019 số 2171/CN; Chuyển nhượng QSDĐ toàn bộ diện tích 175,8m2 ONT cho ông Lê Sỹ Đ và bà Danh Thị D*). Phần đất có tứ cận như sau: Phía đông giáp thửa đất 162; phía tây giáp đất thửa đất 164; phía nam giáp thửa đất 04 và số 05; phía bắc giáp thửa đất 171, đường nhựa. Trên đất không có tài sản.

- Phần đất có diện tích là 22.009,4 m^2, tọa lạc tại thôn Bình Trung, xã Phước Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CL797782, vào sổ cấp GCN QSDĐ số CS02406/CN do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2018 cho bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ. Phần đất có tứ cận như sau: Phía đông giáp đường đất; phía tây giáp suối và thửa đất số 215; phía nam giáp suối và thửa đất 237; phía bắc giáp thửa đất số 172,187,205. Tài sản trên đất gồm có 500 cây điều trồng năm 1995.

Trường hợp bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ đã thanh toán hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thì các bên phải có trách nhiệm làm thủ tục thanh lý hợp đồng thế chấp, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ 03 Giấy chứng nhận QSDĐ như đã viện dẫn nêu trên.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ phải nộp **29.104.885 đồng** (*Hai mươi chín triệu một trăm lẻ bốn ngàn tám trăm tám mươi lăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền là ***27.795.000 đồng*** (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019309 ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Bà Danh Thị D và ông Lê Sỹ Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) đã nộp theo thông báo nộp tiền số 225/TB-TA ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước.
-VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- CC THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Văn Phú Vinh